

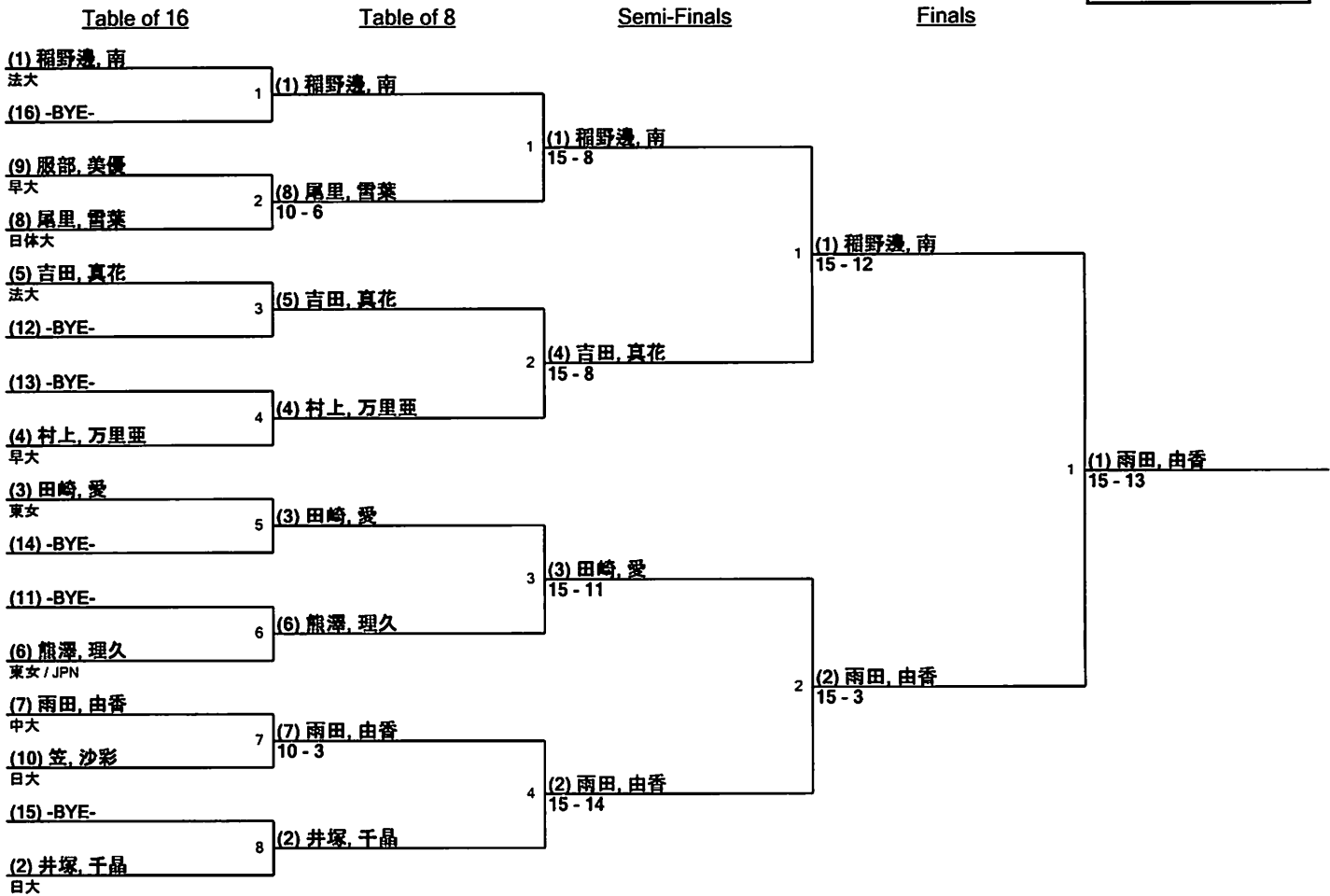


Women's Saber Final Ranking

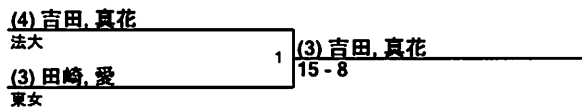
WS

Tournament: 関東学生連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 13:30
FIE Document: FE_FIE_0012

Place	Name	Country	Birthdate
1	雨田, 由香		
2	稲野邊, 南		
3	吉田, 真花		
4	田崎, 愛		
5	井塚, 千晶		
6	村上, 万里亜		
7	熊澤, 理久	JPN	
8	尾里, 雪葉		
9	服部, 美優		
10	笠, 沙彩		
11	竹見, 佳乃香		
12	服部, あや		
13	福永, 瑛美		
14	本間, 友望		



Fence-off for Third





www.FencingTime.com

Women's Saber Round #1 Pool Results

WS

Tournament: 関東学生連盟新人戦大会
Date: 2018年9月12日 - 13:30
FIE Document: FE_FIE_0007

1		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
福永, 瑛美	専大	1		D0	D1	D3	D4	0	0.00	8	20	-12
稲野邊, 南	法大	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	8	12
尾里, 雪葉	日体大	3	V5	D4		V5	D2	2	0.50	16	15	1
服部, あや	東女	4	V5	D0	D4		D4	1	0.25	13	18	-5
村上, 万里亜	早大	5	V5	D4	V5	V5		3	0.75	19	15	4

2		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
雨田, 由香	中大	1		V5	V5	D1	D4	2	0.50	15	13	2
服部, 美優	早大	2	D2		V5	V5	D2	2	0.50	14	16	-2
本間, 友望	学習院	3	D1	D2		D1	D0	0	0.00	4	20	-16
井塚, 千晶	日大	4	V5	D4	V5		V5	3	0.75	19	11	8
田崎, 愛	東女	5	V5	V5	V5	D4		3	0.75	19	11	8

3		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
吉田, 真花	法大	1		D2	V5	V5	2	0.67	12	7	5
笠, 沙彩	日大	2	V5		D4	D3	1	0.33	12	12	0
熊澤, 理久	東女 / JPN	3	D2	V5		V5	2	0.67	12	10	2
竹見, 佳乃香	日体大	4	D0	V5	D1		1	0.33	6	13	-7